

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 24 - 5 - 2022.

V/v: Yêu cầu chia thừa kế quyền sử
dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Mừng

Ông Vy Thiện Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 24/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 15/10/2021 về Yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 05/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 26/4/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS, ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị V, sinh năm 1964. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Linh Thị M, sinh năm 1961, Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Triệu Văn X (tên gọi khác: Triệu Văn K). Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Chị Triệu Thị S. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng

mặt.

3. Anh Triệu Văn S. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Triệu Văn L. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Chị Triệu Thị T. Địa chỉ: Thôn R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn xin xử vắng mặt.

6. Anh Triệu Văn Đ. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Triệu Văn Đ: Bà Triệu Thị V, sinh năm 1964, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

7. Anh Triệu Văn T. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Triệu Văn T: Bà Triệu Thị V, sinh năm 1964, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

8. Ông Triệu Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn n. Vắng mặt.

9. Bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị Đ: Bà Triệu Thị V, sinh năm 1964, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Thị V trình bày như sau:

Bà Triệu Thị V là con của Ông Triệu Văn Y (chết năm 2003) và bà Sầm Thị C (chết năm 2018). Khi còn sống sinh được 05 người con gồm:

- Triệu Văn H, sinh năm 1958 (đã chết năm 2018)
- Triệu Văn L, sinh năm 1960 (đã chết năm 1993)
- Triệu Thị V, sinh năm 1964 – là nguyên đơn.
- Triệu Văn C, sinh năm 1966.
- Triệu Thị Đ, sinh năm 1974.

Ông Triệu Văn Y, bà Sầm Thị C không có con nuôi, không có con riêng nào khác, không phải thực hiện nghĩa vụ gì khác đối với người thứ ba.

Khi còn sống ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C có tạo lập được khối tài

sản chung là đất vườn và đất trồng lúa tại thôn Đ và thôn T, đều thuộc xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khi còn sống ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C đã chia đất đai thành 03 phần: Chia cho ông Triệu Văn L 01 phần, chia cho Triệu Văn C 01 phần, phần còn lại giữ lại để canh tác. Còn anh Triệu Văn H do đi ở rể và theo phong tục tập quán thì được hưởng đất đai bên gia đình nhà vợ nên không được chia đất.

Phần đất ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C chưa chia mà khi còn sống giữ lại để canh tác gồm:

- Thừa đất thứ nhất số 603, tờ bản đồ số 43, diện tích 605m², địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, trên đất trước đây có 01 căn nhà cấp 4. Thừa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2010 vợ chồng ông Triệu Văn H và bà Linh Thị M tự ý xuống tháo dỡ ngôi nhà cũ của bà Sầm Thị C để xây dựng một căn nhà cấp 4 ở bên cạnh và trồng cây ăn quả trên diện tích đất này. Hiện nay trên đất có 01 chuồng lợn, 01 căn nhà cấp 4; cây Mắc mật, cây Cam và một số cây khác do vợ chồng ông Triệu Văn H trồng; 12 cột gỗ và một số gỗ khác do dỡ nhà cũ của bà Sầm Thị C để lại.

- Thừa đất thứ hai thuộc thửa số 350, tờ bản đồ số 31, diện tích 501m², địa chỉ tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Thừa đất này khi còn sống bà Sầm Thị C vẫn canh tác cùng với cháu Triệu Văn X. Đến năm 2010 vợ chồng ông Triệu Văn Hà tự ý đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Văn H và vợ là Linh Thị M, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02628, ngày 06/12/2010. Khi ông Triệu Văn H kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Sầm Thị C không biết, nên năm 2017 bà Sầm Thị C mới biết và đã khởi kiện ông Triệu Văn H để đòi lại diện tích đất này, khi Tòa án đang giải quyết vụ án thì bà Sầm Thị C chết và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Theo đơn khởi kiện bà Triệu Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43, diện tích 605m² và thửa đất số 350, tờ bản đồ số 31, diện tích 501m² đều ở tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất này chia đều cho 05 anh em. Nhưng phần thừa kế của gia đình ông Triệu Văn L và phần của Triệu Thị Đ sẽ để lại cho bà Triệu Thị V được hưởng.

Cả hai thửa đất này đều yêu cầu được chia đất, chứ không thanh toán bằng tiền. Đối với tài sản trên đất đều là của bà Linh Thị M, sẽ do bà Linh Thị M hưởng bà Triệu Thị V không có ý kiến gì.

2. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02628, ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp cho ông Triệu Văn H, bà Linh Thị M.

Khi xem xét thẩm định tại chỗ bà Triệu Thị V thay đổi yêu cầu từ việc yêu cầu giải quyết về thửa đất số 350 thì tại thực địa bà Triệu Thị V yêu cầu đo đạc thửa đất số 352, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đồng thời bà Triệu Thị V rút toàn bộ các yêu cầu liên quan đến việc

giải quyết thửa đất số 350, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định được các thửa đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp gồm:

- Thửa đất số 603, diện tích 588,7m², tờ bản đồ số 43 (bản đồ địa chính xã Y), địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng đất bằng trồng cây hàng năm (BHK). Hiện nay do bà Linh Thị M đang quản lý, sử dụng. Công trình trên đất gồm có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2010; 01 nhà bếp xây gạch bê tông không trát; Sân lát vỉa xi măng; đường đi lát vỉa xi măng và 02 khu chuồng trại xây bằng gạch bê tông không trát và các cây trồng, hoa màu do bà Linh Thị M trồng trên đất. Giá trị đất theo giá Nhà nước quy định là 588,7m² x 42.000 đồng/1m² = 24.725.400 đồng. Giá đất định giá theo giá thị trường là 588,7m² x 150.000 đồng/1m² = 88.305.000 đồng. Giá trị của tài sản có trên phần đất này gồm các công trình, cây ăn quả, hoa màu là 184.517.400 đồng.

- Thửa đất số 352, diện tích 491m², tờ bản đồ số 31 (bản đồ địa chính xã Y), địa chỉ tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước (LUC). Do bà Linh Thị M đang quản lý, sử dụng, trên đất không có tài sản gì. Giá trị đất theo giá Nhà nước là 491m² x 48.000 đồng/1m² = 23.568.000 đồng. Giá đất theo giá thị trường là 491m² x 85.000 đồng/1m² = 41.735.000 đồng.

Bị đơn bà Linh Thị M trình bày như sau: Bà Linh Thị M là vợ thứ hai của ông Triệu Văn H, kết hôn từ năm 1994, nhưng ông Triệu Văn H đã chết từ năm 2018. Ông Triệu Văn H là con của ông Triệu Văn Y (chết năm 2003) và bà Sầm Thị C (chết năm 2018). Diện tích đất mà hiện nay bà Triệu Thị V tranh chấp bà Linh Thị M không nhớ thuộc số lô, số thửa nào và diện tích bao nhiêu, chỉ nhớ một thửa là đất vườn, một thửa là đất ruộng. Cả hai diện tích đất này đều do ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C để lại. Nhưng khi chết không để lại di chúc chia đất cho các con như thế nào. Từ khi về làm dâu năm 1994 bà Linh Thị M đã thấy gia đình chia đất cho các con mỗi người một phần, ông Triệu Văn C được một phần, anh Triệu Văn L một phần, ông Triệu Văn H được một phần nên khi bà Linh Thị M về làm dâu chỉ biết canh tác không tranh chấp với ai. Khi đó ông Triệu Văn H cùng canh tác với bà Sầm Thị C, thửa đất ruộng thì trồng lúa, trồng ngô, còn thửa đất vườn thì trồng rau bán. Đến năm 2010 được sự đồng ý của bà Sầm Thị C thì vợ chồng bà Linh Thị M xây dựng 01 căn nhà cấp 04 trên thửa đất vườn, cạnh căn nhà của bà Sầm Thị C, khi đó trên đất còn có 01 căn nhà của bà Sầm Thị C nhưng bà không cho phá nên vẫn để nguyên, đến năm 2016 bà Sầm Thị C mới cho dỡ căn nhà này nên vợ chồng bà Linh Thị M đã phá dỡ rồi trồng thêm trên đất các cây ăn quả và trồng rau.

Khi còn sống, bà Sầm Thị C do vợ chồng bà Linh Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn bà Triệu Thị V thì không sinh sống ở địa phương; ông Triệu Văn C thì đã được chia đất ở bên cạnh giáp ranh; bà Triệu Thị Đ đi làm dâu ở xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; anh Triệu Văn T, Triệu Văn Đ thì sinh sống trong Miền nam. Năm 2017 bà Sầm Thị C có khởi kiện ông Triệu Văn H

đề đòi lại một phần đất, nhưng đều do bà Triệu Thị V xúi giục do bà Triệu Thị V nợ nần nhiều nên muốn có tiền để trả nợ đã xúi giục bà Sầm Thị C khởi kiện đòi lại đất của ông Triệu Văn H.

Nay bà Linh Thị M không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị V vì diện tích đất này gia đình bà đã quản lý, sử dụng từ lâu. Trường hợp phải chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì yêu cầu tính công sức quản lý, trông nom di sản từ năm 2010 đến nay đối với thửa đất số 603 vì bà Linh Thị M đã trông giữ, xây tường rào để không ai lấn chiếm.

Anh Triệu Văn L (con ông Triệu Văn H và bà Linh Thị M) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với các ý kiến của bà Linh Thị M đã trình bày về nguồn gốc đất và cũng không nhất trí với yêu cầu chia thừa kế của bà Triệu Thị V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Đ trình bày: Nguồn gốc tài sản tranh chấp là do bố mẹ khi chết để lại nhưng chưa chia cho các con, nay yêu cầu chia đều cho cả 05 anh em, phần của bà Triệu Thị Đ để cho bà Triệu Thị V được quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị T (con của ông Triệu Văn L đã chết) tại bản tự khai ngày 16/02/2022 không có yêu cầu gì, không yêu cầu được chia thừa kế đất tranh chấp và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn T, anh Triệu Văn Đ (con của ông Triệu Văn L đã chết) tại bản bản ủy quyền số 17 ngày 29/3/2022 cho bà Triệu Thị V có trình bày gia đình đồng ý chuyển toàn bộ phần thừa kế của gia đình cho bà Triệu Thị V được quyền thừa hưởng vì lý do gia đình ở xa không thể chăm sóc mẹ trong lúc ốm đau mà phải nhờ bà Triệu Thị V chăm sóc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn C, anh Triệu Văn X, anh Triệu Văn S, chị Triệu Thị S (con của ông Triệu Văn H) quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia tố tụng nên không có yêu cầu gì.

Tại công văn 348/UBND-ĐC ngày 22/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác định cả hai diện tích đất tranh chấp đều của ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C khi chết để lại nhưng có di chúc hay không hoặc khi còn sống đã chia đất cho các con hay chưa thì không được biết vì đương sự không kê khai tại xã. Đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc đất quy hoạch dự án, an ninh quốc phòng có thể giao cho đương sự quản lý, sử dụng.

Tại văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Kiểm tra sổ mục kê đất đai thì cả hai thửa đất tranh chấp chưa được hộ gia đình cá nhân nào kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối chiếu với bản đồ 299 xã Yên Phúc thì thửa đất số 603 chưa kê khai và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn thửa đất số 352 là một phần thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32 bản đồ 299 do tài liệu lưu trữ không đầy đủ nên không thể

xác định được là đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào hay chưa.

Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận tính công sức quản lý, trông nom di sản của gia đình bà Linh Thị M đối với thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 được tính bằng 01 kỷ phần. Thửa đất này sẽ chia thành 06 kỷ phần, gia đình bà Linh Thị M sẽ được hưởng 02 kỷ phần (bao gồm 01 kỷ phần của ông Triệu Văn H và 01 kỷ phần tính công sức quản lý di sản theo thỏa thuận tại phiên tòa).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Linh Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn L là hộ nghèo thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định; nguyên đơn Triệu Thị V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không thuộc diện trợ giúp pháp lý. Thẩm phán đã giải thích quyền trợ giúp pháp lý theo quy định tuy nhiên bà Linh Thị M và anh Triệu Văn L không yêu cầu.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự ; Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 603 (đất trồng cây hàng năm), tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã Y theo kết quả đo đạc có diện tích 588,7m² tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và thửa đất số 352 (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Y theo kết quả đo đạc có diện tích 491m² tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Về nhà, công trình vật kiến trúc và cây cối trên đất thuộc phần đất của ai thì người đó được quản lý sử dụng. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của nguyên đơn đối với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 31, tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do đã tự nguyện rút yêu cầu. Án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn và người liên quan phải chịu án phí và chi phí tố tụng đối với giá trị di sản được hưởng, bị đơn được miễn án phí nhưng phải chịu chi phí tố tụng đối với giá trị di sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và tài sản tranh chấp đều ở tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Đ, Triệu Văn Đ, Triệu Văn T đã có văn bản ủy quyền cho bà Triệu Thị V. Ông Triệu Văn C vắng mặt, nhưng Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, chị Triệu Thị S vắng mặt tại địa phương Tòa án đã thực hiện việc niêm yết theo quy định. Do đó, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Thành phần tham gia tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn bà Triệu Thị V, Tòa án đã đưa bà Triệu Thị C là vợ của ông Triệu Văn L và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào tham gia tố tụng. Qua quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ xác định được ông Triệu Văn L đã chết trước người để lại di sản, do vậy bà Triệu Thị C là vợ không thuộc hàng thừa kế và cả hai thửa đất tranh chấp trong vụ án đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào. Vì vậy xét thấy không cần đưa bà Triệu Thị C và Ủy ban nhân dân huyện V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu chia thừa kế: Người để lại di sản ông Triệu Văn Y chết ngày 28/11/2003, do vậy thời điểm mở thừa kế lần một là ngày 28/11/2003. Bà Sầm Thị C chết ngày 27/3/2018 thời điểm mở thừa kế lần hai là ngày 27/3/2018. Do vậy vẫn trong thời hiệu và nguyên đơn bà Triệu Thị V có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, vào kết quả xác minh tại địa phương xác định di sản thừa kế của ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C để lại gồm thửa đất số 603 (đất bằng trồng cây hàng năm), thuộc tờ bản đồ số 43, có diện tích 588,7m², tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và thửa đất số 352 (đất trồng lúa), diện tích 491m², tờ bản đồ số 31, tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Các đương sự không xuất trình được căn cứ chứng minh khi còn sống ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C đã chia những tài sản này cho các con và đương sự cũng khẳng định khi chết ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C không để lại di chúc. Do vậy việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Đối với tài sản trên đất đều do gia đình bà Linh Thị M tạo dựng không phải là di sản thừa kế.

[7] Về hàng thừa kế: Ông Triệu Văn Y và bà Sầm Thị C khi còn sống có 05 người con gồm: Triệu Văn H (chết năm 2018); Triệu Văn L (chết năm 1993); Triệu Văn C; Triệu Thị Đ và bà Triệu Thị V. Do vậy xác định những người này là hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên do ông Triệu Văn H đã chết, người thừa kế của ông Triệu Văn H gồm vợ là bà Linh Thị M, các con Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Thị S, Triệu Văn L. Đối với ông Triệu Văn L do chết trước người để lại di sản nên người thừa kế thế vị gồm các con Triệu Thị T, Triệu Thị Đ và Triệu Văn T.

[8] Đối với phần thừa kế của bà Triệu Thị Đ và phần của các con ông Triệu Văn L gồm Triệu Văn Đ, Triệu Thị T, Triệu Văn T tại văn bản ủy quyền thể hiện rõ quan điểm tặng cho phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Triệu Thị V được quản lý, sử dụng. Ý chí của họ là tự nguyện không bị ép buộc, có chứng thực hợp hợp lệ của chính quyền địa phương, do đó cần chấp nhận cho bà Triệu Thị V được hưởng thêm 02 kỷ phần thừa kế của những người này. Tổng cộng bà Triệu Thị V sẽ được hưởng 03 kỷ phần.

[9] Về công sức tôn tạo, quản lý di sản của bà Linh Thị M, ông Triệu Văn H đối với di sản là thửa đất số 603, tờ bản đồ 43: Bị đơn bà Linh Thị M và chồng là ông Triệu Văn H đã xây dựng nhà ở trên thửa đất 603 từ năm 2010, tuy thời điểm đó bà Sầm Thị C chưa chết, nhưng bà Sầm Thị C cũng không ở địa phương mà sinh sống ngoài thành phố L cùng bà Triệu Thị V, các con của bà Sầm Thị C gồm Triệu Thị C, Triệu Thị Đ, Triệu Thị V cũng không sống ở địa phương. Ông Triệu Văn C sống tại địa phương nhưng sống tại thửa đất của gia đình mình. Do vậy từ năm 2010 đến nay bà Linh Thị M đã có công sức xây tường rào để bảo vệ, trông nom di sản không cho ai lấn chiếm. Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận tính công sức quản lý di sản = 01 suất thừa kế và sẽ chia thửa đất số 603 thành 06 kỷ phần, cụ thể $588,7m^2 \div 6 = 98,11m^2 \times 150.000 \text{ đồng}/m^2 = 14.716.500 \text{ đồng}/1 \text{ kỷ phần}$. Như vậy tổng diện tích thửa đất số 603, diện tích $588,7m^2$ sau khi trừ đi 01 kỷ phần công sức quản lý di sản của bà Linh Thị M tương đương 01 kỷ phần là $98,11m^2$, diện tích còn lại là $490,59m^2$ sẽ được chia đều thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần = $98,11m^2$. Đối với thửa đất số 352, bà Linh Thị M, sử dụng từ sau khi bà Sầm Thị C chết năm 2018 và thừa nhận không có công sức tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất và cũng đã được hưởng hoa lợi, lợi tức hàng năm từ việc canh tác trên thửa đất này nên không yêu cầu tính công sức đối với phần di sản thuộc thửa đất số 352, do vậy thửa đất này sẽ chia 05 kỷ phần bằng nhau.

[10] Về cách chia di sản thừa kế: Gia đình bà Linh Thị M ngoài đang quản lý, sử dụng 02 diện tích đất tranh chấp còn đang quản lý nhiều thửa đất khác trên địa bàn được thể hiện trên 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm nhiều loại đất có mục đích sử dụng khác nhau như đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm khác, đất lâm nghiệp... ông Triệu Văn C đang đứng tên quản lý, sử dụng 04 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm đất ở, đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm... Bà Triệu Thị Đ, anh Triệu Văn Đ, Triệu Văn T, chị Triệu Thị T không sống ở địa phương, không có nhu cầu sử dụng đất. Đối với bà Triệu Thị V, căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thấy rằng bà Triệu Thị V hiện nay không đứng tên quản lý, sử dụng diện tích đất nào trên địa bàn xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và theo đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa bà Triệu Thị V thể hiện nguyện vọng có nhu cầu được quản lý, sử dụng đất để sinh sống và canh tác. Thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43, tại thôn Đ, xã Y huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo kết quả đo đạc có diện tích $588,7m^2$, trên đất chỉ có một phần có công trình xây dựng trên đất do bà Linh Thị M đang quản lý, sử dụng, phần diện tích còn lại của thửa đất chỉ có cây cối hoa màu nên có thể chia bằng hiện vật cho bà Triệu Thị V được quản lý, sử dụng, các kỷ phần

còn lại sẽ chia bằng tiền tương ứng với kỷ phần mà người thừa kế khác được chia. Thửa đất số 352, tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có diện tích theo kết quả đo đạc là 491m² nếu chia bằng hiện vật và chia thành 05 kỷ phần sẽ không đảm bảo hạn mức 180m² để tách thửa theo quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn do vậy cần giao cho bà Triệu Thị V quản lý, sử dụng đất và có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho những người thừa kế khác tương ứng với kỷ phần mà họ được chia.

[11] Di sản thừa kế là thửa đất số 603 (đất bằng trồng cây hàng năm) tờ bản đồ số 43, tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 588,7m², kết quả định giá theo giá thị trường là 150.000 đồng/1m². Di sản thừa kế được chia thành 05 kỷ phần cho các hàng thừa kế nêu ở trên, nhưng tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận tính công sức quản lý di sản của bà Linh Thị M = 01 kỷ phần. Như vậy di sản thừa kế là thửa đất 603 sẽ được chia thành 06 kỷ phần. Tổng diện tích $588,7m^2 \div 6 = 98,11m^2 \times 150.000 \text{ đồng/1m}^2 = 14.716.500 \text{ đồng/1 kỷ phần}$. Trong đó bà Linh Thị M và các con được hưởng 02 kỷ phần (*bao gồm 01 kỷ phần tính bằng công sức quản lý, trông nom di sản và 01 kỷ phần của ông Triệu Văn H nếu còn sống sẽ được hưởng*) bà Triệu Thị V được hưởng 03 kỷ phần (*bao gồm 01 kỷ phần của bà V được hưởng, 01 kỷ phần của bà Triệu Thị Đ, 01 kỷ phần của các con ông Triệu Văn L*), ông Triệu Văn C được hưởng 01 kỷ phần. Căn cứ vào hiện trạng đất và nhu cầu sử dụng đất của các đương sự thấy rằng cần chia phần diện tích đất đang có công trình trên đất cho bà Linh Thị M và các con tiếp tục quản lý, sử dụng, phần đất này có diện tích 343,3m² được thể hiện bằng các điểm AKLMFGH và khép về A trên sơ đồ khu đất tranh chấp; phần đất còn lại không nằm trong khu vực có công trình có tổng diện tích 245,4m² chia cho bà Triệu Thị V quản lý, sử dụng thể hiện trên sơ đồ gồm các điểm BCDEMLK và khép về B. Phần diện tích mà bà Triệu Thị V được hưởng mà không chia được bằng hiện vật thì bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền với số tiền là $294,33m^2 - 245,4m^2 = 48,93m^2 \times 150.000 \text{ đồng} = 7.339.500 \text{ đồng}$. Kỷ phần của ông Triệu Văn C không chia được bằng hiện vật, bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S được quản lý, sử dụng thì phải thanh toán cho ông Triệu Văn C giá trị tương đương 01 kỷ phần $= 98,11m^2 \times 150.000 \text{ đồng/1m}^2 = 14.716.500 \text{ đồng}$.

[12] Tài sản trên phần diện tích đất 245,4m² thuộc một phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 không phải di sản thừa kế mà do bà Linh Thị M trồng hợp pháp trong thời gian trông nom quản lý di sản nay bà Triệu Thị V được quản lý, sử dụng diện tích đất này thì cần buộc bà Triệu Thị V quản lý, sử dụng tài sản gắn liền trên đất và phải thanh toán giá trị tương ứng cho bà Linh Thị M. Gồm các loại cây: 07 cây Đu Đủ; 02 cây Bưởi; 42 cây Chuối; 03 cây Quýt; 01 cây Roi; 03 cây Mít; 01 cây Na; 02 cây Mận; 01 cây Nhãn; 01 cây Mắc Mật; 02 cây Xoài; 01 cây Lựu; 01 cây Bơ. Tổng giá trị các loại cây trên phần đất này là 7.013.000 đồng. Ngoài ra trên đất còn có 01 nhà vệ sinh diện tích 2,2m² bằng gạch Ba banh, lợp Pro xi măng bà Linh Thị M có nghĩa vụ di dời để trả đất cho

bà Linh Thị M. Tài sản trên phần diện tích đất 343,3m² thuộc một phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 gồm nhà cấp 4, sân bê tông, lối đi, nhà kho và các cây ăn quả do bà Linh Thị M trồng và xây dựng từ trước không phải là di sản thừa kế thì bà Linh Thị M cùng các con được tiếp tục quản lý, sử dụng.

[13] Thửa đất số 352 (đất trồng lúa), tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có diện tích theo kết quả đo đạc là 491m² và có giá trị theo giá thị trường là 85.000 đồng/1m² nhưng không tính công sức của bà Linh Thị M vì quá trình quản lý, sử dụng đã được hưởng hoa lợi, lợi tức tương ứng và bà Linh Thị M cũng không yêu cầu. Như vậy phần di sản này sẽ được chia đều thành 5 kỷ phần bằng nhau, cụ thể $491\text{m}^2 \div 5 = 98,2\text{m}^2$ và có giá trị tương đương = 8.347.000 đồng/1 kỷ phần. Xét yêu cầu được quản lý, sử dụng đất của bà Triệu Thị V là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích ở mục [10], do vậy cần chia diện tích đất này cho bà Triệu Thị V quản lý, sử dụng và bà Triệu Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế khác mỗi kỷ phần là $98,2\text{m}^2 \times 85.000 \text{ đồng} = 8.347.000 \text{ đồng/1 kỷ phần}$. Tài sản trên đất tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ không có cây trồng trên đất, nay nếu bà Linh Thị M đang canh tác trong khi có tranh chấp thì có nghĩa vụ di dời, thu hoạch để trả đất cho bà Triệu Thị V.

[14] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị V về yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 31, tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do bà Triệu Thị V đã tự nguyện rút yêu cầu.

[15] Chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích đo địa chính là 12.986.000 đồng thì đương sự được chia tài sản phải chịu phần chi phí theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được hưởng. Tổng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc là 12.986.000 đồng, giá trị của hai thửa đất tranh chấp là 130.040.000 đồng, bà Triệu Thị V được chia tài sản trị giá 69.190.500 đồng tương đương 53% = 6.882.500 đồng, bà Linh Thị M, anh Triệu Văn L, chị Triệu Thị S, anh Triệu Văn S, anh Triệu Văn X được chia tài sản trị giá 37.780.000 đồng tương đương 29% = 3.766.000 đồng, ông Triệu Văn C được chia phần tài sản trị giá 23.063.500 đồng tương đương 18% = 2.337.500 đồng (đã làm tròn số). Do bà Triệu Thị V đã nộp tạm ứng trước nên bà Linh Thị M, anh Triệu Văn L, chị Triệu Thị S, anh Triệu Văn S, anh Triệu Văn X và ông Triệu Văn C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Triệu Thị V số tiền này.

[16] Án phí: Bà Triệu Thị V phải chịu án phí của tổng giá trị tài sản được chia là $69.190.500 \text{ đồng} \times 5\% = 3.459.525 \text{ đồng}$ (làm tròn là 3.460.000 đồng). Ông Triệu Văn C phải chịu án phí của tổng giá trị tài sản được chia là $23.063.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.153.175 \text{ đồng}$ (làm tròn là 1.153.000 đồng). Bà Linh Thị M, anh Triệu Văn L, chị Triệu Thị S, anh Triệu Văn S, anh Triệu Văn X là hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[17] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 244, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 623; Điều 650; 651; 652; 658; 660 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 26, 95, 100, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị V về việc yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất.

1.1. Đối với di sản là thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 (bản đồ địa chính xã Y), tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc tính công sức quản lý, trông nom di sản của bà Linh Thị M = 01 kỷ phần. Di sản này được chia thành 06 kỷ phần bằng nhau, bà Triệu Thị V được hưởng 03 kỷ phần; bà Linh Thị M cùng anh Triệu Văn L, chị Triệu Thị S, anh Triệu Văn S và anh Triệu Văn X được 02 kỷ phần; ông Triệu Văn C được 01 kỷ phần, cụ thể:

- Nguyên đơn bà Triệu Thị V được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 245,4m² thể hiện gồm các điểm BCDEMLK và khép về B trên sơ đồ khu đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 (bản đồ địa chính xã Y), tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 343,3m² được thể hiện gồm các điểm AKLMFGH và khép về A trên sơ đồ khu đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 (bản đồ địa chính xã Y), tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích bà Triệu Thị V còn thiếu do không chia được bằng hiện vật, bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S là người được sử dụng đất có nghĩa vụ thanh toán cho bà Triệu Thị V là $294,33\text{m}^2 - 245,4\text{m}^2 = 48,93\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng/m}^2 = 7.339.500 \text{ đồng}$ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Triệu Văn C số tiền tương đương 01 kỷ phần mà ông Triệu Văn C không được chia bằng hiện vật $98,11\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng/m}^2 = 14.716.500 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

- Tài sản trên phần diện tích đất 245,4m² thuộc thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 (bản đồ địa chính xã Y), tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn bao

gồm các loại cây ăn quả có tổng giá trị 7.013.000 đồng bà Triệu Thị V được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Linh Thị M số tiền này. Nhà vệ sinh diện tích 2,2m² trên phần đất này bà Linh Thị Mần có nghĩa vụ đi dòi để trả đất cho bà Triệu Thị V.

- Tài sản trên phần diện tích đất 343,3m², thuộc một phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 43 (bản đồ địa chính xã Y), tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng gồm nhà cấp 4, sân bê tông, nhà kho, lối đi, khu công trình phụ và các loại cây ăn quả.

1.2. Đối với di sản là thửa đất số 352, diện tích 491m², thuộc tờ bản đồ số 31 (bản đồ địa chính xã Y), tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Bà Triệu Thị V được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất này và có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho những người thừa kế khác gồm ông Triệu Văn C 01 kỷ phần = 8.347.000 đồng; bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S 01 kỷ phần = 8.347.000 đồng. Tài sản trên đất nếu có phát sinh sau khi xem xét thẩm định tại chỗ bà Linh Thị M có nghĩa vụ đi dòi, thu hoạch để trả đất cho bà Triệu Thị V quản lý, sử dụng.

Các đương sự phải chấm dứt hành vi tranh chấp và người được quyền quản lý, sử dụng đất có nghĩa vụ đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của bà Triệu Thị V đối với yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 31 (bản đồ địa chính xã Y), tại N, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cùng toàn bộ tài sản trên diện tích đất này.

3. Chi phí tố tụng:

- Bà Triệu Thị V phải chịu 6.882.500 đồng.

- Bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng cho bà Triệu Thị V số tiền 3.766.000 đồng.

- Ông Triệu Văn C có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng cho bà Triệu Thị V số tiền 2.337.500 đồng.

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí: Nguyên đơn bà Triệu Thị V phải chịu án phí của tổng giá trị tài sản được chia là 3.460.000 đồng. Ông Triệu Văn C phải chịu án phí của tổng giá trị tài sản được chia là 1.153.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Bà Linh Thị M, anh Triệu Văn X, Triệu Văn S, Triệu Văn L và chị Triệu Thị S là hộ nghèo được miễn án phí theo quy định pháp luật.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Bá Hiệp